

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HN-ST
Ngày: 16/7/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn và quyền
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Điền

2. Ông Trần Trung Kiên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số: 213/2021/TLST-HN, ngày 21
tháng 5 năm 2021. Về “Tranh chấp về ly hôn và quyền nuôi con” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện
C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện
C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn
anh Trần Văn M trình bày:* Anh với chị D kết hôn là do hai bên tự tìm hiểu quen
biết, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014. Hôn nhân có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2015.
Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh
mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị D thường hay đi sớm

về khuya, quyết định hết mọi việc mà không bàn bạc gì với anh, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng anh cố gắng chịu đựng nhưng đến đầu năm 2020 thì chị D bỏ nhà đi không lo cho con, từ đó nên anh không thể sống chung được nữa. Vì vậy, đến giữa năm 2020, anh đã dẫn con về sống chung với bên cha mẹ ruột cho đến nay.

Về con chung có một người tên: Trần Thiện K, sinh ngày 20/7/2016, hiện đang sống với anh.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng tôi.

Nay, về quan hệ hôn nhân: Anh M yêu cầu được ly hôn với chị D, về con chung, anh M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu pháp luật giải quyết. Về số nợ phải thu, phải chi: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung chị D thống nhất với lời trình bày của anh M. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị D cho rằng lời trình bày của anh M là hoàn toàn không đúng sự thật. Trong suốt thời gian chung sống từ năm 2015 cho đến tháng 9 năm 2019, chị và anh M không hề có sự cãi vã hay tranh chấp mâu thuẫn về vấn đề gì. Do trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2019 công việc làm ăn của vợ chồng không được thuận lợi, nguyên nhân do chị D cho người khác mượn tiền nhưng họ không trả và trong thời gian này chị D lại đi học để nâng bằng cấp nên từ đó kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn... Khi gia đình bên chồng biết được sự việc nên yêu cầu anh M ly hôn với chị và ngăn cản chị đến thăm nom, chăm sóc con chung. Hiện tại, chị và anh M đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Nay, về hôn nhân chị D đồng ý ly hôn với anh M, về con chung: Chị D đồng ý cho anh M trực tiếp tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng chị yêu cầu được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai ngăn cản; Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: anh Trần Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con với chị Nguyễn Thị Thùy D. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Anh M và chị D có nơi cư trú tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[4]. Anh M, chị D đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2014, Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 18/12/2015 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa anh M, chị D là hôn nhân hợp pháp.

[5]. *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn*: Theo anh M trình bày do bất đồng quan điểm sống với nhau, chị D thường hay đi sớm về khuya, quyết định hết mọi việc mà không bàn bạc gì với anh, từ đó kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng anh cố gắng chịu đựng cho đến khoảng đầu năm 2020 thì chị D bỏ nhà đi không lo cho con nên anh không thể sống chung được nữa. Vì vậy, đến giữa năm 2020, anh M đã dẫn con về sống chung với bên cha mẹ ruột cho đến nay. Hiện tại anh M xác định không còn tình cảm gì với chị D.

Chị D thì cho rằng trong suốt thời gian chung sống từ lúc kết hôn cho đến tháng 9 năm 2019, chị và anh M không hề có sự cãi vã hay tranh chấp mâu thuẫn về vấn đề gì. Từ tháng 5 năm 2019 vợ chồng làm ăn không được thuận lợi nguyên nhân do chị D cho người khác mượn tiền nhưng họ không trả, trong thời gian này chị D lại đi học để nâng bằng cấp nên từ đó kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.... Khi gia đình bên chồng biết được sự việc kinh tế gia đình khó khăn nên yêu cầu anh M ly hôn và ngăn cản việc chị đến thăm nom, chăm sóc con chung. Hiện tại, chị D và anh M đã sống ly thân với nhau từ khoảng cuối năm 2020 cho đến nay.

Nay, Anh M xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và yêu cầu được ly hôn với chị D. Chị D thống nhất theo yêu cầu của anh M; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên việc anh M xin ly hôn với chị D là có căn cứ, đúng qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của anh M, Về quan hệ hôn nhân cho anh M được ly hôn với chị D.

[6]. *Về con chung*: có một người tên: Trần Thiện Kg, sinh ngày 20/7/2016, hiện đang sống chung với anh Minh. Xét về điều kiện kinh tế thì anh M và gia đình đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tại bản tự khai chị D thống nhất cho anh M được trực tiếp tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng chị D có nguyện vọng được đến thăm nom chăm sóc con chung. Từ đó nghĩ nên giao cho anh M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thiện K, sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị D có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[7]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Trần Văn M chưa đặt ra để yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8]. *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả*: Anh M, chị D, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh M có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 227; 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn M.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Trần Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

- *Về con chung*: Anh Trần Văn M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Thiện K, sinh ngày 20/7/2016.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: anh Trần Văn M chưa đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Anh M, chị D không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: anh Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005166, ngày 12/5/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, anh Trần Văn M đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Thùy D không phải nộp án phí.

2. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Bình Phú, Huyện Hội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Huỳnh Sa Rên